

**TOÀ ÁN NHÂN D
HUYỆN Q S
TỈNH QN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/3/2019.

V/v: “*TrA chấp về ly hôn và nuôi
dưỡng con chung*”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN Q S, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân D:

+ Ông Đinh Hữu Long.

+ Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân D huyện Q S, tỉnh QN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Q S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Q S, tỉnh QN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*TrA chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn B; sinh năm 1966. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Dưỡng M T, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Lưu Văn B trình bày: Tôi và bà L tổ chức xây dựng gia đình vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D xã Q X 1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 14/02/2012. Việc hôn nhân của chúng tôi hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống. Tôi đã góp ý nhiều lần với bà L nhưng

bà L vẫn không thay đổi. Đến nay, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin Tòa án cho tôi được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lưu Quốc A, sinh ngày 03/02/2000 và Lưu Văn D, sinh ngày 23/8/2001. Hiện cháu A đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu D, ông B giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Lê Thị L trình bày: Bà thống nhất với ông B về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa nghiêm trọng. Nay ông B xin ly hôn, bà L không thống nhất.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lưu Quốc A, và Lưu Văn D, như ông B đã trình bày. Hiện cháu A đã tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà L xin nuôi cháu D và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Q S phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng D sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng D sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao con chung Lưu Văn D cho bà Lê Thị L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của bà L tại thôn Dưỡng M T, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh QN; ông B yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*TrA chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Q S, tỉnh QN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng D sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn B và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1998, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D xã Q X 1,

huyện Q S, tỉnh QN ngày 14/02/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 nên hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông B và bà L sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông B cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ngày 21/01/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân D xã Q X 1 nhưng Ủy ban nhân D xã Q X 1 không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông B và bà L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng ông B không thống nhất đoàn tụ mà yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, ông B vẫn cương quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông B và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của ông B.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Ông B và bà L trình bày có 02 con chung tên là Lưu Quốc A, sinh ngày 03/02/2000 và Lưu Văn D, sinh ngày 23/8/2001. Hiện cháu A đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu D, ông B và bà L thống nhất giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu D đủ tuổi thành niên. Sự thỏa thuận giữa ông B và bà L hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận giữa ông B và bà L.

[4] Về tài sản chung: Ông B và bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng D sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “*TrA chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*”

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lưu Văn B và bà Lê Thị L
 2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Văn D, sinh ngày 23/8/2001 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng để bà L nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu D đủ tuổi thành niên. Ông B có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
 3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lưu Văn B phải chịu 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006903 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Q S, tỉnh QN. Ông B còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*)
 4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật D sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
 5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/3/2019).
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện Q S;
- Chi cục THADS huyện Q S;
- UBND xã Q X 1, huyện Q S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ